

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2022
“Tranh chấp ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Sang;

Bà Sơn Ngọc Ngoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Thị Phượng Liên, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 292/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Kiên T, sinh năm 1999 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TC, xã KH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Thạch Thị H, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp GL, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Kiên T trình bày và yêu cầu: Anh và chị Thạch Thị H tự nguyện cưới nhau và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/01/2019. Sau khi cưới nhau anh và chị H về sống chung bên gia đình anh tại ấp TC, xã KH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu sống chung khá hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng anh thường xuyên bất hòa và không còn lòng tin ở nhau nữa, vợ chồng anh đã cho nhau nhiều cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành, không còn tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân từ tháng

02/2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị quyết định ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị H;

Về con chung: Có 01 con chung tên Kiên Bảo N, sinh năm 2019 hiện đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp chị Thạch Thị H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Kiên T và chị Thạch Thị H đều vắng mặt, nhưng anh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H, yêu cầu được nuôi cháu N.

Đối với chị Thạch Thị H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Hạnh.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản xác minh của Tòa án. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Về hôn nhân: Cho anh Kiên T được ly hôn với chị Thạch Thị H;

- Về con chung: Giao cháu Kiên Bảo N, sinh ngày 30/01/2019 cho anh T được quyền nuôi. Do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và con chung”. Bị đơn chị Thạch Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp GL, xã ĐL, huyện CT, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Sau khi thụ lý, Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; chị H vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh Kiên T và chị Thạch Thị H chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã KH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/2019, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống anh T cho rằng mâu thuẫn dẫn đến anh làm đơn yêu cầu ly hôn là do anh và chị H thường xuyên bất hòa và không còn lòng tin ở nhau nữa, anh chị đã cho nhau cơ hội để hàn gắn nhưng không thành, anh T và chị H đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị H.

Xét đơn khởi kiện của anh Kiên T về yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị H cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận.

Vì sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã tổng đạt đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh T và các chứng cứ kèm theo cho cho chị H, thông báo việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải gửi cho chị H theo địa chỉ nơi cư trú, có người thân nhận thay và cam kết giao lại ngay, nhưng chị H không đến, không tạo điều kiện gặp anh T để hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, thể hiện chị H không quan T đến hạnh phúc gia đình, không mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ với anh T, Tòa án cũng tiến hành xác minh, ghi lời khai những người sống gần gũi với anh T, chị H xác nhận anh T và chị H có mâu thuẫn và chị H từ sau khi ly thân đi làm ăn xa không quan T đến hạnh phúc gia đình, đến con chung. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của

anh T cũng như quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, cho anh T được ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Kiên Bảo N, sinh ngày 30/01/2019. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N từ sau khi sinh ra cho đến nay cháu được anh T chăm nom, săn sóc. Đối với chị H không quan T chăm sóc và không thăm nom cháu N, thiếu trách nhiệm với cháu N. Nghĩ nên giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu N trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Kiên T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kiên T.

- Về hôn nhân: Anh Kiên T được ly hôn với chị Thạch Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Kiên Bảo N, sinh ngày 30/01/2019 cho anh Kiên T được quyền nuôi dưỡng con chung.

Chị Thạch Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh Kiên T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia

đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011158 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai; báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã KH, huyện CN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hùng